

CÂU TƯỜNG THUẬT

said	→
Said to	→

1. Lùi thì:

CÂU TRỰC TIẾP	CÂU GIÁN TIẾP
S + V (s/es)	→
S + am/is/are + V-ing	→
S + V2/ed	→
S + have/has + V3/ed	→
S + had + V3/ed	→
Will/shall	→
can	→
may	→
must	→

2. Đổi thời gian

CÂU TRỰC TIẾP	CÂU GIÁN TIẾP
This	→
These	→
Here	→
Now	→
Today	→
Yesterday	→
Tomorrow	→
This year	→
Next year	→
Ago	→

Bảng chủ từ:

Chủ từ	Tân ngữ	Tính từ sở hữu
I		
You		
We		
They		
He		
She		
It		

2) Đổi chữ ngữ:

a) Chữ ngữ trong ngoặc kép là “I” → nhìn chủ ngữ ở câu trực tiếp

Chủ ngữ câu tường thuật	Chủ ngữ trong câu trực tiếp	Đổi thành
I	He, tên con trai	→
I	She, tên con gái	→
I	I	→

b) Chủ ngữ trong ngoặc kép là “You” → nhìn tân ngữ ở câu trực tiếp

Chủ ngữ câu tường thuật	Tân ngữ trong câu trực tiếp	Đổi thành
You	him, tên con trai	→
You	her, tên con gái	→
You	me	→

c) Chủ ngữ trong ngoặc kép là “We”: khi viết lại câu Tường thuật đổi thành They.

3) Đổi tân ngữ (đứng sau động từ) trong ngoặc kép → Nhìn chủ ngữ câu trực tiếp:

Tân ngữ trong câu gián tiếp	Chủ ngữ câu trực tiếp	Đổi thành (tân ngữ)
me	He, tên con trai	→
me	She, tên con gái	→
me	I	→

Bài tập:

1) Lan said: "I will go to school tomorrow"

→

2) I said to my mother: "I must do my homework"

→

3) John said to me: "You can go to the supermarket with me"

→

4) My father said: "I worked at this hospital"

→

5) Ngọc said to him: "I visited my grandpa yesterday"

→